

Bản án số: 376/2024/DS-PT

Ngày: 22/7/2024

V/v tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Minh Tuấn;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Nam Thành;

Ông Đặng Văn Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hoài - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 68/2023/TLPT-DS ngày 22 tháng 02 năm 2023 về “Tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An bị kháng cáo và bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 7436/2024/QĐPT-DS ngày 05 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An là ông Phạm Văn H; có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L sinh năm 1970;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn T sinh năm 1966 (là chồng của bà Nguyễn Thị L; Văn bản ủy quyền ngày 16/7/2024);

Cùng địa chỉ: K, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Các Luật sư Phạm Thị H1, Hoàng Thị Hoài T1 - Văn phòng L2 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H và Luật

sur Nguyễn Thị T2 – Công ty L3 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh N; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Minh S sinh năm 1962 (nguyên là Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đô Lương trực tiếp thực hiện việc đấu giá tài sản, hiện đã nghỉ hưu); địa chỉ: Xóm L, xã L, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; có mặt.

2 Bà Nguyễn Thị T3 sinh năm 1960;

3. Ông Nguyễn Mạnh C sinh năm 1959 (là chồng của bà Nguyễn Thị T3); Cùng địa chỉ: K, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị T3, ông Nguyễn Mạnh C: Ông Nguyễn Hiến C1 sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị M sinh năm 1964; địa chỉ: K, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; có mặt.

4. Ông Nguyễn Văn T sinh năm 1966 (là chồng của bà Nguyễn Thị L); có mặt;

5. Chị Nguyễn Thị Ngọc A sinh năm 1994 (là con của bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn T); vắng mặt;

6. Chị Nguyễn Thị Thục U sinh năm 1998 (là con của bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn T); vắng mặt;

7. Anh Nguyễn Đại An s năm 1999 (là con của bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn T); vắng mặt;

Người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị Ngọc A, chị Nguyễn Thị Thục Q, anh Nguyễn Đại A1: Ông Nguyễn Văn T sinh năm 1966 (Văn bản ủy quyền ngày 08/6/2022); có mặt;

Cùng địa chỉ: K, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

8. Bà Thái Thị T4 sinh năm 1949; vắng mặt;

Người đại diện hợp pháp của bà Thái Thị T4: Ông Nguyễn Sỹ T5 sinh năm 1969; vắng mặt;

Cùng địa chỉ: K, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

9. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

10. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện hợp pháp của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đô Lương: Ông Đặng Quang H2 - Chi Cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đô Lương (là người đại diện theo pháp luật); có mặt.

11. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

Người đại diện hợp pháp của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An: Ông Vi Văn N là Phó cục trưởng và ông Nguyễn Văn C2 là Trưởng phòng Phòng

nghiệp vụ của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An (Văn bản ủy quyền số 33/GT tháng 7/2024); có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị L là bị đơn; ông Trần Minh S, ông Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Ngọc A, chị Nguyễn Thị Thục Q, anh Nguyễn Đại A1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Phạm Văn H Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An trình bày:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 340/HSST ngày 31/10/1998 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã có hiệu lực pháp luật, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã quyết định: Xử phạt bà Nguyễn Thị T3 03 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân” nhưng cho hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bà Nguyễn Thị T3 phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền gốc là 95.800.000 đồng và tiền lãi là 31.068.000 đồng; trả cho bà Ngô Thị P số tiền gốc là 8.650.000 đồng và tiền lãi là 2.580.000 đồng; bà Nguyễn Thị T3 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 50.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 5.176.000 đồng.

Để tổ chức thi hành bản án theo đơn yêu cầu thi hành án, Đội Thi hành án dân sự (nay là Chi cục Thi hành án dân sự) huyện Đ, tỉnh Nghệ An (sau đây viết tắt là Đội THADS huyện Đ) đã ra Quyết định thi hành án ngày 04/01/1999. Ngày 07/01/2001, Chấp hành viên Đội THADS huyện Đ đã ban hành Quyết định cưỡng chế số 01/THA ngày 07/01/2001 và ngày 10/01/2001 tiến hành tổ chức cưỡng chế kê biên tài sản của bà Nguyễn Thị T3 để đảm bảo thi hành án, gồm:

- Ngôi nhà thứ nhất: 01 căn nhà liền cư 03 gian kiểu nhà ống, diện tích đất ở 100m², phía Nam giáp Quốc lộ G, phía Bắc giáp nhà ông L1, phía Đông giáp nhà anh C2, phía Tây giáp nhà Liên T6. Biên bản định giá ngày 24/8/2001 thể hiện nhà cấp 4 xây tấp lô, có diện tích đất 93m²; trị giá nhà và đất là 187.830.000 đồng.

- Ngôi nhà thứ hai: 01 nhà ở đang cho ông X thuê ở khối D, sát nhà H. Biên bản định giá ngày 24/8/2001 thể hiện nhà cấp 4 tường xây, có diện tích đất 126m²; trị giá nhà và đất là 240.130.000 đồng. Ngôi nhà này được xác định thuộc sở hữu chung của Nguyễn Thị T3 và ông Nguyễn Mạnh C (là chồng của bà Nguyễn Thị T3).

Đội THADS huyện Đ tổ chức bán đấu giá vào ngày 05/9/2002 đối với 01 nhà ở liền cư cấp 4 ở khối D thuộc thị trấn Đ (ngôi nhà thứ hai).

Tại phiên đấu giá thì người mua được tài sản bán đấu giá là bà Nguyễn Thị L với giá là 240.180.000 đồng. Sau khi có kết quả bán đấu giá thành, Đội THADS huyện Đ đã làm các thủ tục đề nghị cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) cho bà Nguyễn Thị L.

Ngày 28/4/2003, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện Đ đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông (bà) Nguyễn Thị L được quyền sử dụng diện tích đất 99m² thuộc thửa đất 238, tờ bản đồ 9B.

Tuy nhiên, nay xem xét quá trình đấu giá tài sản thi hành án, Đội THADS huyện Đ không ký hợp đồng ủy quyền bán đấu giá tài sản cho Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thuộc Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An là vi phạm điểm 1 mục 3 Thông tư số 399 ngày 07/4/1997 của Bộ Tư pháp. Ngày 03/10/1997, UBND tỉnh N đã thành lập Trung tâm bán đấu giá tài sản. Do đó, việc Chấp hành viên bán tài sản kê biên ngày 05/9/2002 cho người mua là bà Nguyễn Thị L là không đúng thẩm quyền, trái quy định pháp luật.

Vì vậy, Chấp hành viên (ông Phạm Văn H) khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố kết quả bán đấu giá tài sản ngày 05/9/2002 giữa Chấp hành viên (ông Trần Minh S) và bà Nguyễn Thị L (Người mua được tài sản) là vô hiệu; hủy Quyết định số 405/QĐ-UB ngày 28/4/2003 của UBND huyện Đ về cấp GCNQSDĐ và hủy GCNQSDĐ số U824514 ngày 28/4/2003 của UBND huyện Đ cấp cho bà Nguyễn Thị L. Chưa yêu cầu giải quyết hậu quả vô hiệu trong vụ án này.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Ngày 05/09/2002, bà L tham gia vào việc đấu giá tài sản công khai do Hội đồng đấu giá huyện Đ, tỉnh Nghệ An (Đội THADS huyện Đ đại diện người bán đấu giá). Tại đây, bà L đã mua trúng đấu giá tài sản là: 01 căn nhà cấp 4 liền cư tại khối C (khối D cũ), thị trấn Đ, huyện Đ. Bà L đã thực hiện nghĩa vụ nộp đủ tiền mua tài sản, không vi phạm quy chế bán đấu giá và đã được UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ ngày 28/4/2003. Tuy nhiên, gần 20 năm qua, bà L đã đề nghị, kêu cứu nhiều lần và đã có nhiều văn bản của Cục Thi hành án dân sự (sau đây viết tắt là THADS) tỉnh Nghệ An, của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, của Bộ Tư pháp chỉ đạo việc bàn giao tài sản cho bà và đã rất nhiều lần Chi cục THADS huyện Đ thông báo cưỡng chế thi hành án để bàn giao tài sản cho bà L, nhưng cho đến nay bà L vẫn chưa được bàn giao tài sản.

Việc Chi cục THADS huyện Đ liên tục chỉ đạo cho Chấp hành viên Phạm Văn H viết đơn khởi kiện ra Tòa án để tranh chấp kết quả bán đấu giá là trái với quy định của pháp luật. Do đó, bà L không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Biên bản hòa giải và công khai chứng cứ ngày 10/3/2022, bà L, ông Nguyễn Văn T (là chồng của bà L), người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L là Luật sư Nguyễn Thị T2 đề nghị nếu trường hợp Tòa án tuyên vô hiệu kết quả bán đấu giá tài sản thì yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An trình bày: Thực hiện Công văn số 1366/TCTHADS-GQKNTC ngày 28/4/2020 của Tổng cục T7 về việc thi hành án, Cục THADS tỉnh N đã chỉ đạo C3 cục THADS huyện Đ để chỉ đạo Chấp hành viên khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng mua bán tài sản ngày 05/9/2002 giữa Chấp hành viên (Trần Minh S) và bà Nguyễn Thị L (Người mua được tài sản) là vô hiệu. Quan điểm của Cục THADS tỉnh N đề nghị Tòa án giải quyết theo quy

định của pháp luật.

- Ông Trần Minh S trình bày: Việc cưỡng chế thi hành án đối với bà Nguyễn Thị T3 là đúng với quy định của Pháp lệnh Thi hành án dân sự năm 1993. Người mua được tài sản đấu giá là bà Nguyễn Thị L đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính, không vi phạm quy chế bán đấu giá. Sau đó, bà L đã được UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ. Quá trình thực hiện nhiệm vụ đã thực hiện đúng quy định của Pháp lệnh Thi hành án dân sự. Tại thời điểm bán đấu giá tài sản của bà Nguyễn Thị T3, không có văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên thực hiện Nghị định 86-CP ngày 19/12/1996 của Chính phủ và Thông tư số 339/PLDSKT ngày 07/4/1997 của Bộ Tư pháp. Cùng thời điểm đó, Đội THADS huyện Đ đã kê biên và bán nhiều tài sản là quyền sử dụng đất chứ không riêng gì của bà Nguyễn Thị Tuyết . Đối với việc khiếu nại của bà Nguyễn Thị T3 và chồng là ông Nguyễn Mạnh C đã được Đội THADS huyện Đ và Cục THADS tỉnh N ban hành quyết định giải quyết khiếu nại, gia đình bà Nguyễn Thị T3 vẫn khiếu nại đến Chính phủ. Quan điểm của ông S vụ việc này không thuộc thẩm quyền của Tòa án, mà giải quyết theo quy định của Luật Thi hành án dân sự và Luật Khiếu nại tố cáo, còn nếu việc thi hành án làm sai thì giải quyết theo Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước. Quan điểm của ông S không nhất trí việc Chấp hành viên (ông Phạm Văn H) khởi kiện ra Tòa án.

- Ông Nguyễn Mạnh C trình bày: Ngày 10/01/2001, Đội THADS huyện Đ kê biên nhà và đất ở của vợ chồng để thi hành án khoản nợ riêng của vợ là bà Nguyễn Thị Tuyết . Thời điểm này, bà T3 có đứng tên 01 căn nhà liền cư 03 gian kiểu nhà ống, diện tích đất ở 100m² có giá 187.830.000 đồng là tài sản riêng của bà T3 có trước khi kết hôn với ông C. Đối với 01 nhà có diện tích đất 126m², trị giá nhà và đất là 240.130.000 đồng mới là tài sản chung của vợ chồng. Khi Đội THADS huyện Đ kê biên và đấu giá nhà, đất, ông C là người có quyền lợi liên quan nhưng không được tham gia. Chấp hành viên tự áp giá tài sản là 240.130.000 đồng nhưng không có sự tham gia của bà T3. Đề nghị Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố Hợp đồng mua bán tài sản ngày 05/9/2002 giữa Chấp hành viên (Trần Minh S) và bà Nguyễn Thị L (Người mua được tài sản) là vô hiệu.

- Bà Nguyễn Thị T3 trình bày: Khi kê biên và bán đấu giá tài sản, Chấp hành viên là ông Trần Minh S không có quyền tự áp đặt giá khởi điểm, không được tự ý điều hành cuộc bán đấu giá, mà phải ủy quyền cho Trung tâm đấu giá theo quy định. Đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố Hợp đồng mua bán tài sản ngày 05/9/2002 là vô hiệu.

- UBND huyện Đ trình bày (Công văn số 547/UBND.TN ngày 29/3/2022): Việc UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 405/QĐ-UB ngày 28/4/2003 của UBND huyện Đ về cấp GCNQSDĐ và hủy GCNQSDĐ số U824514 ngày 28/4/2003 của UBND huyện Đ cấp cho bà Nguyễn Thị L, đối với thửa đất 238, Tờ bản đồ số 9b, diện tích 99m² trên cơ sở hồ sơ bán đấu giá tài sản thi hành án là đúng pháp luật tại thời điểm cấp GCNQSDĐ. Quan điểm của UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ số U824514 ngày 28/4/2003 của UBND huyện Đ cấp cho bà

Nguyễn Thị L là đúng pháp luật. Đề nghị Tòa án xem xét.

- Cụ Thái Thị T4, hiện nay già yếu không trình bày được, do người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Sỹ T5 trình bày: Ông T5 được nghe bố mẹ của ông T5 kể lại vào năm 1993, bố mẹ của ông T5 chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 238, trên đất đã có nhà cấp 4 cho ông Nguyễn Mạnh C và bà Nguyễn Thị T3 với số tiền 290.000 000 đồng. Hiện nay, gia đình ông T5 không có yêu cầu gì.

Kết quả thẩm định xem xét tại chỗ và định giá:

Biên bản thẩm định ngày 12/8/2021 thể hiện: Thửa đất 238, tờ bản đồ 9b tại khối D, T, huyện Đ phù hợp GCNQSDĐ cấp cho bà Nguyễn Thị L. Diện tích đất thực tế là 126,6m². Tài sản trên đất là 01 ngôi nhà xây tạm lợp mái poroximang và công trình nhà vệ sinh, toàn bộ được xây dựng từ năm 1999 (Có sơ đồ kèm theo).

Biên bản định giá ngày 12/8/2021 xác định: Thửa đất 238, tờ bản đồ 9b, có giá thị trường 80.000 000 đồng/m².

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 31/8/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định:

Căn cứ khoản 13 Điều 26 và các Điều 37, 147, 157, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 131, 136 Bộ luật Dân sự năm 1995; các Điều 117, 122 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29, khoản 3 Điều 34 Pháp lệnh Thi hành án dân sự năm 1993; Nghị định số 86/1996/NĐ-CP ngày 19/12/1996 của Chính phủ về việc ban hành quy chế bán đấu giá tài sản; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Chấp hành viên Phạm Văn H.

Tuyên kết quả bán đấu giá tài sản thi hành án ngày 05/9/2002 của Đội Thi hành án dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An tài sản đấu giá 01 nhà ở liên cư cấp 4 ở khối D thuộc thị trấn Đ, tỉnh Nghệ An, do Chấp hành viên (Trần Minh S) trực tiếp điều hành bán tài sản, người mua được tài sản bà Nguyễn Thị L vô hiệu.

Hủy Quyết định số 405/QĐ-UB ngày 28/4/2003 của Chủ tịch UBND huyện Đ về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị L. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U824514 ngày 28/4/2003 của UBND huyện Đ cấp cho hộ bà Nguyễn Thị L.

Giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đô Lương tiếp tục xử lý tài sản theo Biên bản kê biên ngày 10/01/2021 đối với thửa đất 238, tờ bản đồ 9b có diện tích thực tế là 126,6m², địa điểm tại khối D, thị trấn Đ, tỉnh Nghệ An, tài sản trên đất 01 ngôi nhà xây tạm, mái lợp Proximang; 01 nhà vệ sinh xây gạch tấp lô; 01 tường rào phía Đông Nam (Đặc điểm chi tiết tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, sơ đồ xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/8/2021).

Hậu quả vô hiệu kết quả bán đấu giá tài sản thi hành án ngày 05/9/2002 được giải quyết theo quy định của pháp luật khi các đương sự có đơn yêu cầu.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Cùng ngày 09/9/2022, bị đơn là bà Nguyễn Thị L; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Minh S, ông Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Ngọc A, chị Nguyễn Thị Thục U, anh Nguyễn Đại A1 đều có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 15/9/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 1830/QĐ-VKS-DS kháng nghị bản án sơ thẩm nêu trên, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm; ông Nguyễn Văn T là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị L thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết vụ án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Minh S và ông Nguyễn Văn T (ông T đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Ngọc A, chị Nguyễn Thị Thục U, anh Nguyễn Đại A1) giữ nguyên nội dung kháng cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Cục THADS tỉnh N, Chi cục THADS huyện Đ, tỉnh Nghệ An giữ nguyên quan điểm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND huyện Đ và bà Thái Thị T4 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Các Luật sư trình bày quan điểm bảo vệ cho bị đơn: Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì: Chấp hành viên Phạm Văn H không thực hiện việc thi hành án, không tổ chức bán đấu giá tài sản nên không có quyền khởi kiện. Trước đây, khi Chấp hành viên Trần Minh S khởi kiện hủy kết quả bán đấu giá tại Tòa án nhân dân huyện Đô Lương thì Tòa án nhân dân huyện Đô Lương đã trả lại đơn khởi kiện với lý do là không có quyền khởi kiện. Đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện và xác định thời hiệu khởi kiện đã hết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu về việc giải quyết vụ án:

- Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và hầu hết các đương sự thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Thái Thị T4, UBND huyện Đ, tỉnh Nghệ An vắng mặt không rõ lý do nhưng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai và không có kháng cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự này.

- Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vì Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết hậu quả của việc tuyên bố kết quả bán đấu giá vô hiệu, vi phạm tố tụng vì Biên bản nghị án không ghi giờ phút bắt đầu và kết thúc việc nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Ngày 18/12/2020, Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An là ông Phạm Văn H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố kết quả bán đấu giá tài sản ngày 05/9/2002 giữa Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đô Lương là ông Trần Minh S với người mua được tài sản (thửa đất số 238, tờ bản đồ 9b, có diện tích thực tế là 126,6m² và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà ở liền cư cấp 4, tại khối D, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An) là bà Nguyễn Thị L vô hiệu. Sau khi thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm, do vụ án có tính chất phức tạp, Tòa án nhân dân huyện Đô Lương đã chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm. Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 13 Điều 26, khoản 2 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, cùng ngày 09/9/2022, bị đơn là bà Nguyễn Thị L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Minh S, ông Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Ngọc A, chị Nguyễn Thị Thục U, anh Nguyễn Đại A1 có đơn kháng cáo; ngày 15/9/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 1830/QĐ-VKS-DS đúng quy định tại Điều 272, khoản 1 Điều 273, Điều 278, Điều 279, khoản 1 Điều 280, Điều 281 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Thái Thị T4, UBND huyện Đ, tỉnh Nghệ An vắng mặt không rõ lý do nhưng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai và không có kháng cáo. Việc vắng mặt của các đương sự này không ảnh hưởng đến việc xét xử, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội và những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; người đại diện hợp pháp của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đô Lương (là ông Đặng Quang H2 - Chi cục trưởng); người đại diện hợp pháp của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An (là ông Nguyễn Văn C2 - Trưởng phòng Nghiệp vụ) đều cho rằng việc bán đấu giá tài sản ngày 05/9/2002 giữa Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đô Lương là ông Trần Minh S với người mua được tài sản (thửa đất số 238, tờ bản đồ 9b, có diện tích thực tế là 126,6m² và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà ở liền cư cấp 4, tại khối D, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An) là bà Nguyễn Thị L đã thực

hiện đúng quy định của pháp luật về thi hành án dân sự, nhưng thực hiện chỉ đạo của Tổng cục Thi hành án dân sự Bộ Tư pháp nên Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đô Lương đã chỉ đạo Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đô Lương là ông Phạm Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên kết quả bán đấu giá tài sản ngày 05/9/2002 giữa Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đô Lương là ông Trần Minh S với người mua được tài sản (thửa đất số 238, tờ bản đồ 9b, có diện tích thực tế là 126,6m² và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà ở liền cư cấp 4, tại khối D, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An) là bà Nguyễn Thị L nêu trên vô hiệu.

[5] Mặt khác, tại Biên bản hòa giải và công khai chứng cứ ngày 10/3/2022, bà L, ông Nguyễn Văn T (là chồng của bà L), người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L là Luật sư Nguyễn Thị T2 đề nghị nếu trường hợp Tòa án tuyên vô hiệu kết quả bán đấu giá tài sản vô hiệu thì yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu. Do đó, trong trường hợp này, khi tuyên bố kết quả bán đấu giá tài sản ngày 05/9/2002 giữa Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đô Lương là ông Trần Minh S với người mua được tài sản là bà Nguyễn Thị L vô hiệu, cần phải giải quyết hậu quả của việc tuyên kết quả bán đấu giá vô hiệu. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố kết quả bán đấu giá tài sản ngày 05/9/2002 nêu trên vô hiệu nhưng không giải quyết hậu quả của việc tuyên kết quả bán đấu giá vô hiệu là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng bà L, ông T.

[6] Vì vậy, cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[7] Do vậy, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội là hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm, là có cơ sở nên được chấp nhận.

[8] Do bản án sơ thẩm bị hủy để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm nên các đương sự có kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác sẽ được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310, khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác sẽ được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L, ông Trần Minh S, ông Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Ngọc A, chị Nguyễn Thị Thục Q, anh Nguyễn Đại A1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại bà Nguyễn Thị L, ông Trần Minh S, ông Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Ngọc A, chị Nguyễn Thị Thục U, anh Nguyễn Đại A1 mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012155, 0012156, 0012157, 0012158, 0012160, 0012159 cùng ngày 15/9/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- Viện trưởng VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An (kèm hồ sơ vụ án);
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: P.HCTP-VP, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Minh Tuấn